

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG  
KHOA TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

**ĐỀ THI, ĐÁP ÁN/RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM**  
**THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
**Học kỳ 2, năm học 2023-2024**

**I. Thông tin chung**

|  |  |                                |      |
|--|--|--------------------------------|------|
| Tên học phần:                                | QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH CÁ NHÂN             |                                |      |
| Mã học phần:                                 | 71FINA4013                             | Số tín chỉ:                    | 3    |
| Mã nhóm lớp học phần:                        | 232_71FINA4013_02                      |                                |      |
| Hình thức thi: <b>Thực hành Excel</b>        | Thời gian làm bài:                     | <b>75</b>                      | Phút |
| <i>Thí sinh được tham khảo tài liệu giấy</i> | <input checked="" type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |      |

**Cách thức nộp bài:**

**Gợi ý:**

- SV làm bài trên file Excel;
- Upload file bài làm excel vào CTE;

**Lưu ý:**

1. Đề và câu hỏi tích hợp vào file Excel đính kèm (1 sheet);
2. File Excel chia sẻ SV tại phòng thi thực hành
3. Sinh viên làm bài trên file Excel đính kèm (1 sheet);
4. Thời gian 75phút chưa bao gồm 5 phút mở đề và 5 phút nộp bài

5. -

**II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO***(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)*

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO  | Hình thức đánh giá | Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%) | Câu hỏi thi số | Điểm số tối đa    | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI |
|-------------|---|--------------------|--|----------------|-------------------|-------------------------------------|
| (1)         | (2)   | (3)                | (4)  | (5)            | (6)               | (7)                                 |
| CLO1        | Thực hiện được các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân  |                    | 40%  | 1a<br>3a<br>3b | 2,8<br>0,6<br>0,6 |                                     |
| CLO2        | Vận dụng kiến thức quản trị rủi ro và bảo hiểm để giải quyết các vấn đề liên quan đến các hoạt động quản lý tài sản cá nhân |                    | 20%  | 2a             | 2                 |                                     |
| CLO3        | Xây dựng tư duy phân tích, tổng hợp các vấn đề về tài chính cũng như lập kế hoạch tài chính cá nhân một cách chuyên nghiệp. |                    | 28%  | 1b<br>2b       | 2,8               |                                     |
| CLO5        | Tuân thủ pháp luật trong việc đưa ra các quyết định trong quản trị tài chính cá nhân.                                       |                    | 12%  | 3a<br>3b       | 0,6<br>0,6        |                                     |

**III. Nội dung câu hỏi thi****THÔNG TIN TÌNH HUỐNG**

Bạn thu thập thông tin khách hàng ANH HAI, cần tư vấn tài chính cá nhân

**MỤC A [THÔNG TIN KHÁCH HÀNG]**

Nguyễn Anh Hai, nam, tròn 25 tuổi, độc thân, tốt nghiệp đại học ngành bất động sản 3 năm.  
*Tài sản*

Sau 3 năm làm việc Anh Hai đang sở hữu đất nền ở tỉnh có thể bán ngay với giá 270 triệu, trong đó 120 triệu vay từ ngân hàng. Khoản vay này vừa hoàn thành thủ tục hợp đồng vay với thời hạn vay 4 năm, trả nợ đều hàng tháng, lãi vay 8%/năm. Anh Hai cũng vừa ký hợp đồng cho thuê 4 triệu/tháng, giá thuê tăng 5%/năm, dự kiến tối thiểu giá BĐS tăng 8%/năm trong 5 năm tới. Anh Hai đã lập quỹ dự phòng cho bản thân, ít nhất đảm bảo 6 tháng chi tiêu hiện tại ở mức tối thiểu, khoản dự phòng sẽ gửi tiết kiệm, lãi suất 5%/năm

*Thu nhập - Chi tiêu*

Thu nhập ròng sau thuế từ lương hàng tháng của Anh Hai là 15 triệu đồng. Dự kiến thu nhập tăng trưởng 5%/năm trong 5 năm tới, tính chất công việc ổn định. Tổng chi tiêu tối thiểu tăng 6%/năm.

### Chi phí hàng tháng

| Chi phí /tháng               |                      |                   |
|------------------------------|----------------------|-------------------|
| Nội dung                     | Số tiền (triệu đồng) | Phân loại chi phí |
| Thuê nhà                     |                      | 1 Must have       |
| Ăn uống                      |                      | 3 Must have       |
| Đi lại                       |                      | 1 Must have       |
| Sức khỏe                     |                      | 1 Must have       |
| Điện, nước                   |                      | 0,6 Must have     |
| Internet, thông tin liên lạc |                      | 0,4 Must have     |
| Chi phí khác                 |                      | 1 Nice to have    |
| Giải trí                     |                      | 1 Nice to have    |
| Chi phí giao tiếp            |                      | 1 Nice to have    |
| Mua sắm quần áo              |                      | 0,5 Wasted        |
| Ngân sách du lịch            |                      | 2 Wasted          |
| <b>Cộng</b>                  |                      | <b>12,5</b>       |

### Mục tiêu

Anh Hai xác lập mục tiêu ổn định tài chính từ 2 nguồn đi làm và kinh doanh, hình thành khối tài sản 1 tỷ trước 30 tuổi, không tính tài sản từ thừa kế hay nguồn hỗ trợ từ ba mẹ. Anh Hai cũng xác định rõ có phong cách sống tiêu chuẩn, không xa xỉ. Để đạt mục tiêu trên, Anh Hai dùng tiền tiết kiệm hàng tháng tham gia quỹ đầu tư tài chính BIG BANG với mức sinh lời trung bình 8%/năm

### MỤC B [BẢO HIỂM]

Khi đánh giá sức khỏe tài chính của khách hàng, bạn nhận ra rằng Anh Hai chưa tham gia gói bảo hiểm nhân thọ. Giá sử vào thời điểm cuối năm Anh Hai 26 tuổi, Anh Hai xác định không muốn lập gia đình nhưng có kế hoạch nhận con nuôi trong 10 năm tới, và dự tính lập quỹ học hành cho con trong 10 năm là 300 triệu đồng, chi phí sinh hoạt con nuôi trung bình 5 triệu/tháng. Do đó, trong trường hợp rủi ro về sức khỏe và tính mạng xảy ra đối với Anh Hai, chắc chắn người phụ thuộc sẽ bị ảnh hưởng, thậm chí bị bào mòn tài sản đã dành dụm được. Do đó, nếu tư vấn khách hàng tham gia bảo hiểm nhân thọ với gói bảo vệ 10 năm, bạn sẽ tư vấn Anh Hai mua với giá trị được bảo vệ bao nhiêu là phù hợp? Anh Hai cân nhắc 4 vai trò của bảo hiểm nhân thọ đối với kế hoạch quản trị tài chính cá nhân của mình.

### MỤC C [THỪA KẾ]

Ba mẹ của Anh Hai (ông Cao và bà Bé) trong quá trình hôn nhân tạo lập được tài sản chung 8 tỷ đồng. Hai người có 4 con chung gồm: Anh Hai 25 tuổi, Ba 23 tuổi, Tư 21 tuổi bị mất khả năng lao động, và Út 14 tuổi. Có 2 tình huống:

Tình huống 1: Bà Bé mất không để lại di chúc

Tình huống 2: Ông Cao mất để lại di chúc: Toàn bộ tài sản 8 tỷ để lại cho Anh Hai

### CÂU 1: [4,4đ]

Anh Hai lên kế hoạch tài chính để đạt mục tiêu đặt ra [mục A]

1a. [2,8đ] Anh Hai có làm SAI 7 nhóm ô vàng trong kế hoạch tài chính của mình. Dựa vào thông tin MỤC A, bạn hãy sửa lại cho đúng. [0,4đ/lỗi]

1b. [1,6đ] Anh Hai có đạt mục tiêu đề ra năm 30 tuổi không? Nếu không, Bạn tư vấn Anh Hai một giải pháp để đạt mục tiêu? Nếu có, bạn tư vấn Anh Hai điều chỉnh mục tiêu lớn hơn không? Tại sao?

**CÂU 2: [3,2đ] Tính giá trị bảo hiểm**

2a. [1đ] Tính theo phương pháp Nhu cầu?

[1đ] Tính theo phương pháp Giá trị dòng đời? Biết rằng năm đánh giá là 26 tuổi, giả sử thu nhập không đổi trong 10 năm

2b. [1,2đ] Dựa 4 vai trò của bảo hiểm nhân thọ đối với quản trị tài chính cá nhân, hãy trình 4 tác dụng hợp đồng BHNT trên đối với Anh Hai và gia đình

**CÂU 3: [2,4đ]**

Dựa vào thông tin MỤC C, hãy xác định đối tượng được hưởng thừa kế và tính phần thừa kế các thành viên trong gia đình Anh Hai nhận được cho 2 tình huống

3a. [0,6đ+0,6đ] Tình huống 1: Bà Bé mất không để lại di chúc

3b. [0,6đ+0,6đ] Tình huống 2: Ông Cao mất để lại di chúc: Toàn bộ tài sản 8 tỷ để lại cho Anh Hai .

## ĐÁP ÁP VÀ THANG ĐIỂM

CẤU 1 [4,4đ]  
1a. [2,8đ]

4.4 CẤU 1: [4,4đ]  
1a. [2,8đ] A có làm sai 7 ô màu vàng trong kế hoạch tài chính của mình. Dựa vào thông tin MỤC A, bạn hãy sửa lại cho đúng. (0,4đ/ô)

### THÔNG TIN KHÁCH HÀNG ANH HAI

| Chỉ tiêu                              | Giá trị | Đvt              |
|---------------------------------------|---------|------------------|
| Đất                                   | 270     | triệu đồng       |
| Khoản vay                             | 120     | triệu đồng       |
| Lãi vay                               | 8%      | /năm             |
| Trả góp đều hàng tháng trong          | 4       | năm              |
| Tiền thuê đất                         | 4       | triệu đồng/tháng |
| Thời gian thuê                        | 5       | năm              |
| 0,4 Tốc độ tăng tiền cho thuê đất     | 5%      | /năm             |
| Tốc độ tăng giá BĐS                   | 8%      | /năm trong 5 năm |
| Số tháng chi tiêu để lập quỹ dự phòng | 6,00    | tháng            |
| Lãi suất tiết kiệm quỹ dự phòng       | 5%      | /năm             |
| Thu nhập ròng sau thuế                | 15      | triệu đồng/tháng |
| Tốc độ tăng thu nhập                  | 5%      | /năm             |

| Nội dung                             | Số tiền (triệu đồng) | Phân loại chi phí |
|--------------------------------------|----------------------|-------------------|
| Thuế nhà                             | 1                    | Must have         |
| Ăn uống                              | 3                    | Must have         |
| Đi lại                               | 1                    | Must have         |
| Sức khỏe                             | 1                    | Must have         |
| Điện, nước                           | 0,6                  | Must have         |
| Internet, thông tin liên lạc         | 0,4                  | Must have         |
| Chi phí khác                         | 1                    | Nice to have      |
| Giải trí                             | 1                    | Nice to have      |
| Chi phí giao tiếp                    | 1                    | Nice to have      |
| Mua sắm quần áo                      | 0,5                  | Wasted            |
| Ngân sách du lịch                    | 2                    | Wasted            |
| CỘNG                                 | 12,5                 |                   |
| Tốc độ tăng chi phí                  | 6%                   | /năm              |
| Suất sinh lợi từ quỹ đầu tư BIG BANG | 8%                   | /năm              |

| Phân loại chi phí (chưa tính nợ vay) | Tiêu đồng |              |        |
|--------------------------------------|-----------|--------------|--------|
|                                      | Must have | Nice to have | Wasted |
| Nội dung chi/tháng                   |           |              |        |
| Thuế nhà                             | 1         |              |        |
| Ăn uống                              | 3         |              |        |
| Đi lại                               | 1         |              |        |
| Sức khỏe                             | 1         |              |        |
| Điện, nước                           | 0,6       |              |        |
| 0,4 Internet, thông tin liên lạc     |           | 0,4          |        |
| Chi phí khác                         |           | 1            |        |
| Giải trí                             |           | 1            |        |
| Chi phí giao tiếp                    |           | 1            |        |
| Mua sắm quần áo                      |           |              | 0,5    |
| Ngân sách du lịch                    |           |              | 2      |
| Tổng                                 | 6,60      | 3,4          | 2,5    |
| 0,4 Chi phí trả nợ                   | 2,93      |              |        |

| Mức sống                       | Tối thiểu | Tiêu chuẩn | Thoải mái |
|--------------------------------|-----------|------------|-----------|
| 0,4 Chi phí (chưa tính vay nợ) | 6,60      | 10,00      | 12,50     |
| Chi phí (gồm vay nợ)           | 9,53      | 12,93      | 15,43     |

### KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CỦA KHÁCH HÀNG ANH HAI TỪ 26 ĐẾN 30 TUỔI

| Năm (tuổi)   | 25     | 26     | 27     | 28     | 29     | 30       |
|--|--------|--------|--------|--------|--------|----------|
|  |        | 1      | 2      | 3      | 4      | 5        |
| <b>Thu nhập/tháng</b>  |        |        |        |        |        |          |
| 1. Thu nhập ròng sau thuế từ lương                             | 15,00  | 15,75  | 16,54  | 17,36  | 18,23  | 19,14    |
| 2. Tiền cho thuê đất   |        | 4,00   | 4,20   | 4,41   | 4,63   | 4,86     |
| <b>Chi tiêu/tháng theo mức tiêu chuẩn</b>                      |        |        |        |        |        |          |
| 0,4 1. Chi tiêu chưa tính khoản vay                            | 10,00  | 10,60  | 11,24  | 11,91  | 12,62  | 13,38    |
| 2. Trả nợ  |        | 2,93   | 2,93   | 2,93   | 2,93   | 2,93     |
| <b>Tiết kiệm/tháng</b>   |        | 6,22   | 6,57   | 6,93   | 7,31   | 10,62    |
| <b>GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÍCH LŨY</b>                                |        |        |        |        |        |          |
| 0,4 Giá trị đầu tư vào quỹ BIG BANG tích lũy (nguồn tiết kiệm) |        | 77,44  | 165,69 | 265,78 | 378,83 | 542,54   |
| 0,4 Giá trị BĐS  | 270,00 | 291,60 | 314,93 | 340,12 | 367,33 | 396,72   |
| 0,4 Giá trị quỹ dự phòng                                       | 77,58  | 81,46  | 85,53  | 89,81  | 94,30  | 99,01    |
| <b>CỘNG</b>  |        |        |        |        |        | 1.038,27 |

1b. [1,6đ]

1b. [1,6đ] ANH HAI có đạt mục tiêu đề ra năm 30 tuổi không? Nếu không, bạn tư vấn cho ANH HAI một giải pháp để đạt mục tiêu? Nếu có, bạn tư vấn ANH HAI có nên điều chỉnh mục tiêu lớn không? Tại sao?

|     |   |
|-----|---|
| 0,6 | A NH HAI đạt mục tiêu đề ra vào cuối năm 30 tuổi  |
| 1   | TH không đạt mục tiêu: Tăng thu nhập, thay đổi lối sống sang tối thiểu  |
|     | TH đạt mục tiêu: Có thể điều chỉnh tăng mức sống. Tuy nhiên mức thay đổi không đáng kể so với mức sống hiện tại. Trong bối cảnh môi trường có thể có nhiều biến động việc kế hoạch tài chính cho thấy vượt mục tiêu không đáng kể cần thận trọng. |

CÁU 2 [3,2 đ]  
2a. [2đ]

3.2 Tính giá trị bảo hiểm

[1đ]

2a. [1đ] Tính theo phương pháp Nhu cầu?

|     |   |            |
|-----|---|------------|
|     | PHƯƠNG PHÁP NHU CẦU   | triệu đồng |
|     | I. NHU CẦU TRONG 10 NĂM   |            |
| 0,2 | 1. Nghĩa vụ trả nợ  | 120        |
| 0,2 | 2. Chi phí thiết yếu trong 10 năm của người phụ thuộc                           | 600,00     |
|     | 3. Quỹ học hành cho con   | 300        |
|     | II. NGUỒN TÀI CHÍNH CUỐI NĂM ANH HAI 26 TUỔI (TS NGẮN HẠN VÀ THU NHẬP THỤ ĐỘNG) |            |
| 0,2 | 1. Quỹ dự phòng   | 81,46      |
| 0,2 | 2. Quỹ BIG BANG   | 77,44      |
| 0,2 | III. NHU CẦU GIÁ TRỊ BẢO HIỂM   | 861,10     |

[1đ]

[1đ] Tính theo phương pháp Giá trị dòng đời? Biết rằng năm đánh giá là ANH HAI 26 tuổi, giả sử thu nhập không đổi trong 10 năm

|     |  |            |
|-----|--|------------|
|     | PHƯƠNG PHÁP GIÁ TRỊ DÒNG ĐỜI   | triệu đồng |
| 0,2 | Thu nhập sau thuế hàng năm của A (tính theo năm 26 tuổi, giả sử không thay đổi trong 10 năm) | 189        |
|     | Thời gian dự kiến về hưu (năm)   | 10         |
| 0,8 | Tỷ lệ chiết khấu dự tính (%/năm)   | 5%         |
|     | C. NHU CẦU GIÁ TRỊ BẢO HIỂM  | 1.459,41   |

2b. [1,2đ]

2b. [1,2đ] Dựa 4 vai trò của bảo hiểm nhân thọ đối với quản trị tài chính cá nhân, hãy trình 4 tác dụng hợp đồng BHNT trên đối với ANH HAI và gia đình

Bảo hiểm nhân thọ đóng vai trò quan trọng trong quản trị tài chính cá nhân, dưới đây là gọi 4 vai trò (sv được 0,3 đ cho mỗi vai trò)

|     |  |
|-----|--|
| 0,3 | 1. Bảo vệ tài chính cho gia đình: Bảo hiểm nhân thọ giúp bảo vệ tài chính cho gia đình trong trường hợp người kiếm sống mất hoặc gặp tai nạn nghiêm trọng. Khoản tiền bảo hiểm được trả ra sẽ giúp gia đình vượt qua khó khăn tài chính, trả nợ, chi trả chi phí hàng ngày và duy trì cuộc sống ổn định. |
| 0,3 | 2. Tiết kiệm và đầu tư: Một số sản phẩm bảo hiểm nhân thọ kết hợp tính năng tiết kiệm và đầu tư, giúp cá nhân tích lũy vốn dài hạn và đảm bảo tài chính cho tuổi già.  |
| 0,3 | 3. Hỗ trợ chi phí y tế: Một số sản phẩm bảo hiểm nhân thọ cung cấp bảo hiểm chi phí y tế, giúp giảm bớt gánh nặng tài chính khi phải đối mặt với chi phí điều trị bệnh tật.  |
| 0,3 | 4. Tạo dự phòng cho tương lai: Bảo hiểm nhân thọ giúp tạo ra một dự phòng tài chính cho tương lai, đặc biệt trong những trường hợp không may xảy ra như mất khả năng lao động, bệnh tật nghiêm trọng hoặc tử vong.   |

CÁU 3 [2,4đ]

3a. [1,2đ]

2,4 Dựa vào thông tin MỤC C, hãy xác định đối tượng được hưởng thừa kế và tính phần thừa kế các thành viên trong gia đình ANH HAI nhận được cho 2 tình huống

|     |   |
|-----|---|
| 0,6 | 3a. [0,6đ+0,6đ] Tình huống 1: Bà Bé mất không để lại di chúc  |
| 0,6 | Tài sản chung của ông Cao và bà Bé 8 tỷ, do đó do ông Cao có 4 tỷ, bà Bé có 4 tỷ. Trường hợp bà Bé mất không để lại di chúc, di sản thừa kế 4 tỷ sẽ được phân chia theo pháp luật. Những người được hưởng thừa kế gồm: ông Cao và 4 người con (0,4 đ) |
| 0,6 | Số tiền thừa kế mỗi người được hưởng là: 0,8 tỷ đồng/người  |

3b. [1,2đ]

3b. [0,6đ+0,6đ] Tình huống 2: Ông Cao mất để lại di chúc: Toàn bộ tài sản 8 tỷ để lại cho ANH HAI

|     |  |              |
|-----|--|--------------|
| 0,6 | Ông Cao chỉ được viết di chúc cho phần tài sản 4 tỷ của ông Cao, do đó khi ông Cao mất, di sản thừa kế là 4 tỷ. Mặc dù ông Cao viết di chúc để hết tài sản cho Anh Hai, tuy nhiên, những người vẫn được hưởng thừa kế gồm: vợ- bà Bé, Tư mất khả năng lao động, Út chưa đủ tuổi thành niên, và người có tên trong di chúc là Anh Hai (0,4 đ) |              |
|     | Số tiền thừa kế mỗi người được hưởng là:   |              |
|     | Bà Bé  | 0,53 tỷ đồng |
|     | Tư   | 0,53 tỷ đồng |
|     | Bé Út  | 0,53 tỷ đồng |
| 0,6 | Anh Hai  | 2,40 tỷ đồng |

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 5. năm 2024

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề

ThS. Lê Thị Phương Loan

ThS. Hoàng Hoa Sơn Trà  
ThS. Phạm Thị Ngọc Lan